

PHỤ LỤC I

DANH SÁCH KẾT QUẢ PHÂN LOẠI 156 ĐỊA TRỌNG ĐIỂM PHỨC TẠP VỀ MA TÚY NĂM 2025

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm 2026
của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	ĐƠN VỊ	Địa bàn trọng điểm loại I	Địa bàn trọng điểm loại II	Địa bàn trọng điểm loại III	Căn cứ phân loại địa bàn		
					Tỷ lệ người nghiện và người sử dụng trái phép chất ma túy có hồ sơ quản lý/tổng số nhân khẩu hiện đang cư trú trên địa bàn (%)	Tỷ lệ đối tượng phạm tội về ma túy bị bắt giữ trên địa bàn/tổng số nhân khẩu hiện đang cư trú trên địa bàn (%)	Điểm tổ chức, chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy
1	Phường Tân Định			X	0,045	0,090	0
2	Phường Sài Gòn			X	0,040	0,120	0
3	Phường Bến Thành	-		X	0,031	0,081	0
4	Phường Cầu Ông Lãnh			X	0,051	0,100	0
5	Phường An Phú Đông			X	0,121	0,391	0
6	Phường Thới An			X	0,033	0,083	0
7	Phường Tân Thới Hiệp			X	0,020	0,064	0
8	Phường Trung Mỹ Tây			X	0,021	0,088	0
9	Phường Đông Hưng Thuận			X	0,019	0,051	0
10	Phường Linh Xuân			X	0,023	0,095	0
11	Phường Tam Bình			X	0,026	0,126	0
12	Phường Hiệp Bình			X	0,023	0,070	0
13	Phường Thủ Đức			X	0,016	0,090	0

STT	ĐƠN VỊ	Địa bàn trọng điểm loại I	Địa bàn trọng điểm loại II	Địa bàn trọng điểm loại III	Căn cứ phân loại địa bàn		
					Tỷ lệ người nghiện và người sử dụng trái phép chất ma túy có hồ sơ quản lý/tổng số nhân khẩu hiện đang cư trú trên địa bàn (%)	Tỷ lệ đối tượng phạm tội về ma túy bị bắt giữ trên địa bàn/tổng số nhân khẩu hiện đang cư trú trên địa bàn (%)	Điểm tổ chức, chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy
14	Phường Long Bình			X	0,016	0,002	0
15	Phường Tăng Nhơn Phú			X	0,018	0,030	0
16	Phường Phước Long			X	0,028	0,033	0
17	Phường Long Phước			X	0,009	0,165	0
18	Phường Long Trường			X	0,026	0,107	0
19	Phường An Nhơn			X	0,049	0,137	0
20	Phường An Hội Đông			X	0,027	0,052	0
21	Phường An Hội Tây			X	0,028	0,040	0
22	Phường Gò Vấp			X	0,036	0,128	0
23	Phường Hạnh Thông			X	0,063	0,105	0
24	Phường Thông Tây Hội			X	0,028	0,040	0
25	Phường Bình Lợi Trung			X	0,052	0,065	0
26	Phường Bình Quới			X	0,048	0,085	0
27	Phường Bình Thạnh			X	0,037	0,083	0
28	Phường Gia Định			X	0,046	0,039	0
29	Phường Thạnh Mỹ Tây			X	0,035	0,067	0
30	Phường Tân Sơn Hòa			X	0,045	0,103	0
31	Phường Bảy Hiền			X	0,030	0,063	0
32	Phường Tân Hòa			X	0,036	0,020	0

STT	ĐƠN VỊ	Địa bàn trọng điểm loại I	Địa bàn trọng điểm loại II	Địa bàn trọng điểm loại III	Căn cứ phân loại địa bàn		
					Tỷ lệ người nghiện và người sử dụng trái phép chất ma túy có hồ sơ quản lý/tổng số nhân khẩu hiện đang cư trú trên địa bàn (%)	Tỷ lệ đối tượng phạm tội về ma túy bị bắt giữ trên địa bàn/tổng số nhân khẩu hiện đang cư trú trên địa bàn (%)	Điểm tổ chức, chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy
33	Phường Tân Bình			X	0,014	0,059	0
34	Phường Tây Thạnh			X	0,014	0,036	0
35	Phường Tân Sơn Nhì			X	0,000	0,000	0
36	Phường Phú Thọ Hòa			X	0,000	0,000	0
37	Phường Phú Thạnh			X	0,000	0,000	0
38	Phường Tân Phú			X	0,000	0,000	0
39	Phường Đức Nhuận			X	0,000	0,000	0
40	Phường Cầu Kiệu			X	0,000	0,000	0
41	Phường An Khánh			X	0,000	0,000	0
42	Phường Cát Lái			X	0,000	0,000	0
43	Phường Xuân Hòa			X	0,000	0,000	0
44	Phường Nhiêu Lộc			X	0,000	0,000	0
45	Phường Hòa Hưng			X	0,000	0,000	0
46	Phường Diên Hồng			X	0,000	0,000	0
47	Phường Vườn Lài			X	0,000	0,000	0
48	Phường Hòa Bình			X	0,000	0,000	0
49	Phường Phú Thọ			X	0,000	0,000	0
50	Phường Bình Thới			X	0,000	0,000	0
51	Phường Minh Phụng			X	0,000	0,000	0

STT	ĐƠN VỊ	Địa bàn trọng điểm loại I	Địa bàn trọng điểm loại II	Địa bàn trọng điểm loại III	Căn cứ phân loại địa bàn		
					Tỷ lệ người nghiện và người sử dụng trái phép chất ma túy có hồ sơ quản lý/tổng số nhân khẩu hiện đang cư trú trên địa bàn (%)	Tỷ lệ đối tượng phạm tội về ma túy bị bắt giữ trên địa bàn/tổng số nhân khẩu hiện đang cư trú trên địa bàn (%)	Điểm tổ chức, chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy
52	Phường Xóm Chiếu			X	0,000	0,000	0
53	Phường Khánh Hội			X	0,000	0,000	0
54	Phường Vĩnh Hội			X	0,000	0,000	0
55	Phường Chợ Quán			X	0,000	0,000	0
56	Phường Chợ Lớn			X	0,000	0,000	0
57	Phường Phú Lâm			X	0,000	0,000	0
58	Phường Bình Phú			X	0,000	0,000	0
59	Phường Bình Tây			X	0,000	0,000	0
60	Phường Bình Tiên			X	0,000	0,000	0
61	Phường Chánh Hưng			X	0,000	0,000	0
62	Phường Bình Đông			X	0,000	0,000	0
63	Phường Phú Định			X	0,000	0,000	0
64	Phường Bình Hưng Hòa			X	0,000	0,000	0
65	Phường Bình Tân			X	0,000	0,000	0
66	Phường Bình Trị Đông			X	0,000	0,000	0
67	Phường Tân Tạo			X	0,000	0,000	0
68	Phường An Lạc			X	0,000	0,000	0
69	Phường Tân Hưng			X	0,000	0,000	0
70	Phường Tân Thuận			X	0,000	0,000	0

STT	ĐƠN VỊ	Địa bàn trọng điểm loại I	Địa bàn trọng điểm loại II	Địa bàn trọng điểm loại III	Căn cứ phân loại địa bàn		
					Tỷ lệ người nghiện và người sử dụng trái phép chất ma túy có hồ sơ quản lý/tổng số nhân khẩu hiện đang cư trú trên địa bàn (%)	Tỷ lệ đối tượng phạm tội về ma túy bị bắt giữ trên địa bàn/tổng số nhân khẩu hiện đang cư trú trên địa bàn (%)	Điểm tổ chức, chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy
71	Phường Phú Thuận			X	0,000	0,000	0
72	Phường Tân Mỹ			X	0,000	0,000	0
73	Xã Tân An Hội			X	0,000	0,000	0
74	Xã An Nhơn Tây			X	0,000	0,000	0
75	Xã Nhuận Đức			X	0,000	0,000	0
76	Xã Thái Mỹ			X	0,000	0,000	0
77	Xã Phú Hòa Đông			X	0,000	0,000	0
78	Xã Bình Mỹ			X	0,000	0,000	0
79	Xã Củ Chi			X	0,000	0,000	0
80	Xã Hóc Môn			X	0,000	0,000	0
81	Xã Đông Thạnh			X	0,000	0,000	0
82	Xã Xuân Thới Sơn			X	0,000	0,000	0
83	Xã Bà Điểm			X	0,000	0,000	0
84	Xã Tân Nhựt			X	0,000	0,000	0
85	Xã Vĩnh Lộc			X	0,000	0,000	0
86	Xã Tân Vĩnh Lộc			X	0,000	0,000	0
87	Xã Bình Lợi			X	0,000	0,000	0
88	Xã Bình Hưng			X	0,000	0,000	0
89	Xã Hưng Long			X	0,000	0,000	0

STT	ĐƠN VỊ	Địa bàn trọng điểm loại I	Địa bàn trọng điểm loại II	Địa bàn trọng điểm loại III	Căn cứ phân loại địa bàn		
					Tỷ lệ người nghiện và người sử dụng trái phép chất ma túy có hồ sơ quản lý/tổng số nhân khẩu hiện đang cư trú trên địa bàn (%)	Tỷ lệ đối tượng phạm tội về ma túy bị bắt giữ trên địa bàn/tổng số nhân khẩu hiện đang cư trú trên địa bàn (%)	Điểm tổ chức, chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy
90	Xã Bình Chánh			X	0,000	0,000	0
91	Xã Nhà Bè			X	0,000	0,000	0
92	Xã Hiệp Phước			X	0,000	0,000	0
93	Xã Cần Giờ			X	0,000	0,000	0
94	Xã Bình Khánh			X	0,000	0,000	0
95	Phường Thủ Dầu Một			X	0,000	0,000	0
96	Phường Phú Lợi			X	0,000	0,000	0
97	Phường Bình Dương			X	0,000	0,000	0
98	Phường Phú An			X	0,000	0,000	0
99	Phường Chánh Hiệp			X	0,000	0,000	0
100	Xã Dầu Tiếng			X	0,000	0,000	0
101	Xã Minh Thạnh			X	0,000	0,000	0
102	Phường Bến Cát			X	0,000	0,000	0
103	Xã Trừ Văn Thố			X	0,000	0,000	0
104	Xã Bàu Bàng			X	0,000	0,000	0
105	Phường Chánh Phú Hòa			X	0,000	0,000	0
106	Phường Long Nguyên			X	0,000	0,000	0
107	Phường Tây Nam			X	0,000	0,000	0
108	Phường Thới Hòa			X	0,000	0,000	0

STT	ĐƠN VỊ	Địa bàn trọng điểm loại I	Địa bàn trọng điểm loại II	Địa bàn trọng điểm loại III	Căn cứ phân loại địa bàn		
					Tỷ lệ người nghiện và người sử dụng trái phép chất ma túy có hồ sơ quản lý/tổng số nhân khẩu hiện đang cư trú trên địa bàn (%)	Tỷ lệ đối tượng phạm tội về ma túy bị bắt giữ trên địa bàn/tổng số nhân khẩu hiện đang cư trú trên địa bàn (%)	Điểm tổ chức, chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy
109	Phường Hòa Lợi			X	0,000	0,000	0
110	Xã Phú Giáo			X	0,000	0,000	0
111	Xã Phước Thành			X	0,000	0,000	0
112	Xã An Long			X	0,000	0,000	0
113	Xã Phước Hòa			X	0,000	0,000	0
114	Phường Tân Uyên			X	0,000	0,000	0
115	Phường Tân Khánh			X	0,000	0,000	0
116	Xã Bắc Tân Uyên			X	0,000	0,000	0
117	Xã Thường Tân			X	0,000	0,000	0
118	Phường Vĩnh Tân			X	0,000	0,000	0
119	Phường Bình Cơ			X	0,000	0,000	0
120	Phường Tân Hiệp			X	0,000	0,000	0
121	Phường Dĩ An			X	0,000	0,000	0
122	Phường Tân Đông Hiệp			X	0,000	0,000	0
123	Phường Đông Hòa			X	0,000	0,000	0
124	Phường Lái Thiêu			X	0,000	0,000	0
125	Phường Thuận Giao			X	0,000	0,000	0
126	Phường An Phú			X	0,000	0,000	0
127	Phường Thuận An			X	0,000	0,000	0

STT	ĐƠN VỊ	Địa bàn trọng điểm loại I	Địa bàn trọng điểm loại II	Địa bàn trọng điểm loại III	Căn cứ phân loại địa bàn		
					Tỷ lệ người nghiện và người sử dụng trái phép chất ma túy có hồ sơ quản lý/tổng số nhân khẩu hiện đang cư trú trên địa bàn (%)	Tỷ lệ đối tượng phạm tội về ma túy bị bắt giữ trên địa bàn/tổng số nhân khẩu hiện đang cư trú trên địa bàn (%)	Điểm tổ chức, chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy
128	Phường Bình Hòa			X	0,000	0,000	0
129	Phường Vũng Tàu			X	0,000	0,000	0
130	Phường Tam Thắng			X	0,000	0,000	0
131	Phường Rạch Dừa			X	0,000	0,000	0
132	Phường Phước Thắng			X	0,000	0,000	0
133	Xã Long Sơn			X	0,000	0,000	0
134	Phường Bà Rịa			X	0,000	0,000	0
135	Phường Long Hương			X	0,000	0,000	0
136	Phường Tam Long			X	0,000	0,000	0
137	Xã Ngãi Giao			X	0,000	0,000	0
138	Xã Xuân Sơn			X	0,000	0,000	0
139	Xã Bình Giã			X	0,000	0,000	0
140	Xã Châu Đức			X	0,000	0,000	0
141	Xã Kim Long			X	0,000	0,000	0
142	Xã Nghĩa Thành			X	0,000	0,000	0
143	Xã Hò Tràm			X	0,000	0,000	0
144	Xã Xuyên Mộc			X	0,000	0,000	0
145	Xã Hòa Hội			X	0,000	0,000	0
146	Xã Hòa Hiệp			X	0,000	0,000	0

STT	ĐƠN VỊ	<i>Địa bàn trọng điểm loại I</i>	<i>Địa bàn trọng điểm loại II</i>	<i>Địa bàn trọng điểm loại III</i>	<i>Căn cứ phân loại địa bàn</i>		
					Tỷ lệ người nghiện và người sử dụng trái phép chất ma túy có hồ sơ quản lý/tổng số nhân khẩu hiện đang cư trú trên địa bàn (%)	Tỷ lệ đối tượng phạm tội về ma túy bị bắt giữ trên địa bàn/tổng số nhân khẩu hiện đang cư trú trên địa bàn (%)	Điểm tổ chức, chứa chấp sử dụng trái phép chất ma túy
147	Xã Bình Châu			X	0,000	0,000	0
148	Xã Long Điền			X	0,000	0,000	0
149	Xã Long Hải			X	0,000	0,000	0
150	Xã Đất Đỏ			X	0,000	0,000	0
151	Xã Phước Hải			X	0,000	0,000	0
152	Phường Phú Mỹ			X	0,000	0,000	0
153	Phường Tân Hải			X	0,000	0,000	0
154	Phường Tân Phước			X	0,000	0,000	0
155	Phường Tân Thành			X	0,000	0,000	0
156	Xã Châu Pha			X	0,000	0,000	0
Tổng cộng				156			

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ